PHỤ LỤC
DANH MỤC BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO
(Kèm theo Công văn số 1755/UBND-KTTH ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh)

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu, số liệu báo cáo thống kê	Kỳ báo cáo	Trên địa bàn xã, phường		
				Cơ quan báo cáo thống kê	Thời hạn báo cáo	Cơ quan báo cáo thống kê
1	01.N/BC-BDTTG	Tổng hợp số lượng trường, lớp, giáo viên, học sinh giáo dục phổ thông	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 31/10 năm báo cáo (đầu năm học)	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	02.N/BC-BDTTG	Học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 31/10 năm báo cáo (đầu năm học)	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	03.N/BC-BDTTG	Số học sinh người dân tộc thiểu số bỏ học, lưu ban	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 31/10 năm báo cáo (cuối năm học)	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	04.N/BC-BDTTG	Số lượng, tỷ lệ các thôn bản vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, gửi Sở Xây dựng chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Xây dựng
5	05.N/BC-BDTTG	Hộ nghèo và cận nghèo người dân tộc thiểu số	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	06.K/BC-BDTTG	Số lượng đại biểu HĐND các cấp là người dân tộc thiểu số	Nhiệm kỳ	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Nội vụ chậm nhất ngày 30/6 năm đầu nhiệm kỳ	Sở Nội vụ
7	07.N/BC-BDTTG	Số lượng công chức trong cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo các cấp	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Nội vụ chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Nội vụ
8	09.N/BC-BDTTG	Số công chức, viên chức trong cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo các cấp được đào tạo, bồi dưỡng về công tác dân tộc, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và đào tạo khác	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Nội vụ chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Nội vụ
9	10.N/BC-BDTTG	Số tôn giáo, số tổ chức tôn giáo, số tổ chức tôn giáo trực thuộc, số tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Dân tộc và Tôn giáo

10	11.N/BC-BDTTG	Số chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Dân tộc và Tôn giáo
11	12.N/BC-BDTTG	Số cơ sở tôn giáo	Năm	UBND các xã, phường	Rà soát, Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 28/02 năm sau	Sở Dân tộc và Tôn giáo

Trên địa bàn tỉnh
Thời hạn báo cáo
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/11 năm báo cáo (đầu năm học)
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/11 năm báo cáo (đầu năm học)
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/11 năm báo cáo (cuối năm học)
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/3 năm sau
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/3 năm sau
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 15/7 năm đầu nhiệm kỳ
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/3 năm sau
Tổng hợp, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo chậm nhất ngày 10/3 năm sau

